



Working Paper 2022.1.5.05
- Vol 1, No 5

XÁC LẬP QUYỀN TÁC GIẢ CHO TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)

Nguyễn Lê Phương Lan¹

Sinh viên K59 Kinh tế đối ngoại – Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Thị Thùy Dương

Sinh viên K59 Luật thương mại quốc tế - Khoa Luật
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Hoàng Mỹ Linh

Giảng viên Khoa Luật
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Ngày nay, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) đã cho ra đời rất nhiều tác phẩm hoàn toàn dựa trên phân tích và xử lý thông tin của nó. Điều đó đã đặt ra câu hỏi: “Quyền tác giả của các tác phẩm này thuộc về ai?”. Hiện nay, luật sở hữu trí tuệ trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đều chưa chuẩn bị tốt cho trường hợp trên. Do đó, ở bài viết này, chúng tôi sẽ lập luận và đề xuất giải pháp để “Xác lập quyền tác giả cho trí tuệ nhân tạo (AI)”. Để đạt được mục đích trên, chúng tôi bắt đầu bằng việc xác định cơ sở lý luận của vấn đề bao gồm: quyền tác giả, trí tuệ nhân tạo và những vai trò của trí tuệ nhân tạo đối với tác phẩm tại Việt Nam; Từ đó chúng tôi làm rõ sự cần thiết của việc xác lập quyền tác giả cho AI; Cuối cùng, chúng tôi đề xuất khuyến nghị với hoạt động nghiên cứu xác lập quyền tác giả của trí tuệ nhân tạo đối với tác phẩm.

Từ khóa: Quyền tác giả, trí tuệ nhân tạo, tác phẩm.

ESTABLISHING COPYRIGHT FOR ARTIFICIAL INTELLIGENCE (AI)

Abstract

Today, artificial intelligence (AI) technology has produced a lot of works based entirely on its analysis and information processing. That raised the question: "Who owns the copyright of these works?". Currently, intellectual property law in the world in general and Vietnam in particular are not well prepared for this case. Therefore, in this article, we will argue and propose a solution to "Establishing copyright for artificial intelligence (AI)". To achieve the above goal, we start by defining the theoretical basis of the issue including: copyright, artificial intelligence and the roles of artificial intelligence for works in Vietnam; From there, we clarified the necessity of

¹ Tác giả liên hệ, Email: k59.2011110111@ftu.edu.vn

establishing copyright for AI; Finally, we propose recommendations for research studies to establish copyright of artificial intelligence for works.

Keywords: Copyright, artificial intelligence, works.

1. Lời mở đầu

Quyền tác giả được xem là công cụ hữu hiệu giúp phát huy sự sáng tạo của mỗi cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và ngăn chặn những hoạt động cạnh tranh không lành mạnh, góp phần không nhỏ trong công cuộc phát triển kinh tế, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, tinh thần của đất nước. Tuy nhiên, trong thời đại công nghệ hiện nay, sự ra đời của trí tuệ nhân tạo (AI) và các tác phẩm của trí tuệ nhân tạo đã tạo ra những lỗ hổng của Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành: các tác phẩm do AI tạo ra không thuộc đối tượng quyền tác giả và chúng không được bảo vệ bản quyền. Điều này có thể gây tranh cãi vì trong kỷ nguyên máy học, nơi AI được phép nó 'học sâu' và cải thiện dựa trên những kinh nghiệm trong quá khứ, AI tinh vi đã không còn chỉ phụ thuộc vào hướng dẫn của con người mà có thể tạo ra các tác phẩm phức tạp đến mức người quan sát có thể không phân biệt được giữa tác phẩm do con người hay AI tạo ra, chúng làm mờ đi ranh giới giữa máy móc và nhà phát minh. Nhận thức được thực trạng trên và vấn đề có thể phát sinh trong tương lai, trong bài nghiên cứu này, nhóm chúng tôi sẽ lập luận và đề xuất giải pháp để “Xác lập quyền tác giả cho trí tuệ nhân tạo”.

2. Cơ sở lý luận về việc xác lập quyền tác giả cho trí tuệ nhân tạo (AI) tại Việt Nam

2.1 Xác lập quyền tác giả

2.1.1 Khái niệm quyền tác giả

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) đưa ra khái niệm về quyền tác giả như sau:

“Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu” (Điều 4)

Các đối tượng quyền tác giả được Nhà nước bảo vệ trong Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) bao gồm:

“Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học” (Điều 3)

Các tác phẩm thuộc đối tượng quyền tác giả được thể hiện dưới bất kỳ hình thức và bằng bất kỳ phương tiện nào, không phân biệt nội dung, giá trị. Cụ thể hơn, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định về các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả như sau:

“1. Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được bảo hộ bao gồm:

a) Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác;

- b) Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác;
- c) Tác phẩm báo chí;
- d) Tác phẩm âm nhạc;
- đ) Tác phẩm sân khấu;
- e) Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự (sau đây gọi chung là tác phẩm điện ảnh);
- g) Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng;
- h) Tác phẩm nhiếp ảnh;
- i) Tác phẩm kiến trúc;
- k) Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học;
- l) Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian;
- m) Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.

2. Tác phẩm phái sinh chỉ được bảo hộ theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh.

3. Tác phẩm được bảo hộ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác.” (Điều 14).

2.1.2 Căn cứ pháp lý xác lập quyền tác giả đối với tác phẩm

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định về căn cứ phát sinh, xác lập quyền tác giả như sau:

“Quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký” (Điều 6)

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định về nội dung, giới hạn quyền tác giả như sau:

“Quyền tác giả đối với tác phẩm quy định tại Luật này bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.” (Điều 18)

“Quyền nhân thân bao gồm các quyền sau đây:

1. Đặt tên cho tác phẩm;
2. Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;
3. Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;
4. Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.” (Điều 19)

“1. Quyền tài sản bao gồm các quyền sau đây:

- a) Làm tác phẩm phái sinh;
- b) Biểu diễn tác phẩm trước công chúng;
- c) Sao chép tác phẩm;
- d) Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;
- đ) Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác;
- e) Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.

2. Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện theo quy định của Luật này.

3. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3 Điều 19 của Luật này phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả.” (Điều 20)

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định về chủ sở hữu quyền tác giả như sau:

“Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản quy định tại Điều 20 của Luật này.” (Điều 36)

Các chủ sở hữu tác phẩm bao gồm: Tác giả; các đồng tác giả; tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc giao kết hợp đồng với tác giả; người thừa kế; người được chuyển giao quyền; Nhà nước và công chúng.

2.2 Trí tuệ nhân tạo (AI)

2.2.1 Tổng quan về trí tuệ nhân tạo

Nhà khoa học John McCarthy là người đầu tiên đưa ra thuật ngữ “Trí tuệ nhân tạo” (Artificial Intelligence - AI) tại hội nghị Dartmouth lần thứ 2 vào năm 1955, theo đó, “trí tuệ nhân tạo” có nghĩa là khoa học và kỹ thuật chế tạo ra máy móc thông minh, đặc biệt là các chương trình máy tính thông minh. Hiện nay, có rất nhiều định nghĩa về “trí tuệ nhân tạo” được đưa ra nhưng chưa có một định nghĩa chính thức. Bách khoa toàn thư Britannica định nghĩa: Trí tuệ nhân tạo là khả năng của một máy tính hoặc robot kỹ thuật số do máy tính điều khiển để thực hiện nhiệm vụ thường đòi hỏi trí thông minh con người.

Hầu hết các định nghĩa về AI đều xoay quanh khả năng mô phỏng hành vi thông minh của máy tính. Tuy nhiên, một trong những cuốn sách được coi là sách giáo khoa về AI phổ biến nhất đã cung cấp một định nghĩa chính xác hơn. Trong cuốn *Trí tuệ nhân tạo: Phương pháp tiếp cận hiện đại*, Stuart Russell và Peter Norvig cho rằng “Trí tuệ nhân tạo là nghiên cứu về các tác nhân nhận được sự chấp thuận từ môi trường và thực hiện các hành động (Russell & Norvig, 1994).

Nói chung, trí tuệ nhân tạo (AI) là một nhánh rộng lớn của khoa học máy tính liên quan đến việc xây dựng các máy thông minh có khả năng thực hiện các tác vụ thường đòi hỏi tư duy của con người, như học tập, nhận thức thị giác, nhận dạng giọng nói, hiểu ngôn ngữ tự nhiên, lý luận...

Có hai cách phổ biến để phân loại AI:

Thứ nhất, theo chức năng, AI được chia thành 04 cấp độ: máy phản ứng (Reactive machines), AI với bộ nhớ giới hạn (Limited memory), AI gắn với lý thuyết về tâm trí (Theory of mind) và cấp độ cao nhất: AI có khả năng tự nhận thức (Self-awareness) (Arend Hintze, 2016).

Thứ hai, theo khả năng tư duy, AI được chia thành 3 cấp độ: Narrow AI, General AI và Super AI. Narrow AI: Trí tuệ nhân tạo được cho là hẹp khi máy có thể thực hiện một nhiệm vụ cụ thể tốt hơn so với con người. General AI: Trí tuệ nhân tạo đạt đến trạng thái chung khi nó có thể thực hiện bất kỳ nhiệm vụ sử dụng trí tuệ nào có cùng độ chính xác như con người. Super AI: AI rất mạnh khi nó có thể đánh bại con người trong nhiều nhiệm vụ cụ thể (Kateryna Nekit, Vira Tokareva and Volodymyr Zubar, 2020).

Bài nghiên cứu này tập trung phân tích AI theo cách phân loại thứ hai. Đó là khi AI ở cấp độ Super, chúng sẽ vô cùng mạnh mẽ và có sức sáng tạo như con người, và thậm chí chúng còn có thể thông minh hơn những gì con người có thể tưởng tượng.

2.2.2 Trí tuệ nhân tạo - Một công cụ của tác giả con người

Bài nghiên cứu này chia AI thành hai loại dựa trên vai trò của chúng trong việc tạo ra tác phẩm. Loại đầu tiên là những máy AI chỉ có thể tạo ra tác phẩm dưới sự hướng dẫn trực tiếp, sự trợ giúp hoặc đầu vào của con người. Trong danh mục này, AI được sử dụng như một công cụ để đạt được mục tiêu đã xác định hoặc dự đoán kết quả. Một ví dụ cho loại AI này là việc tạo ra một bức tranh của một nghệ sĩ đã chọn màu sắc, loại công cụ (kích thước cọ vẽ và kiểu nét) và ở một mức độ nào đó phải nhập các yêu cầu vào thuật toán AI được sử dụng để tạo ra tác phẩm. Mặc dù nghệ sĩ không thể dự đoán chính xác phiên bản cuối cùng của bức tranh được tạo ra nhưng anh ấy đã trực tiếp đóng góp vào sáng tạo và tạo nền tảng cho dáng vẻ của nó. Theo luật bản quyền của Hoa Kỳ, tác giả của một tác phẩm như vậy có thể gặp phải các khiếu nại pháp lý về kết quả sáng tạo nếu anh ta sử dụng AI như một công cụ trung gian trong quá trình sáng tạo. Tuy nhiên, pháp luật đồng thuận việc tác giả sử dụng công cụ hỗ trợ sẽ không làm mất đi tính nguyên gốc của tác phẩm. Điều này được chứng minh qua án lệ từ năm 1884, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ trong vụ kiện Burrow-Giles Lithographic Co. v. Sarony đã lần đầu tiên mở rộng bảo hộ bản quyền cho đối với nhiếp ảnh. Máy ảnh được sử dụng để chụp hình nhà văn Oscar Wilde của nhiếp ảnh gia Napoleon Sarony được tòa án coi là một công cụ hỗ trợ tác giả trong việc tạo ra "một tác phẩm nghệ thuật

gốc"². Sau hơn 130 năm, hầu hết các máy ảnh được sử dụng ngày nay hoàn toàn là kỹ thuật số, sở hữu cả bộ xử lý máy tính và phần mềm chụp ảnh, công đoạn ra đời tấm ảnh hầu như tự động, nguyên tắc mà năm 1884 được Tòa án Tối cao đưa ra vẫn được sử dụng như một tiền lệ chứng minh việc cấp bản quyền cho hàng triệu những bức ảnh được chụp mỗi ngày. Kể từ khi hình ảnh được tạo bởi một máy ảnh kỹ thuật số hoặc điện thoại thông minh thực sự được tạo ra, nó hoàn toàn có thể so sánh được với việc tạo ra một tác phẩm nghệ thuật sử dụng chương trình AI. Cả hai quá trình gần như tự động và có thể lập luận rằng một máy AI, chỉ giống như một chiếc máy ảnh, chỉ đơn giản là một công cụ được tác giả sử dụng để thể hiện ý tưởng của mình dưới dạng hữu hình. Như vậy, có thể nói, AI - công cụ hỗ trợ của con người trong việc tạo ra tác phẩm không làm sai lệch bản chất tác phẩm. Liên hệ đến nước ta, điều này đặt ra câu hỏi, con người có thể được trao quyền tác giả khi tạo ra những tác phẩm tích hợp yếu tố AI không và khi AI phát triển đến mức độ nào đó, nó có được công nhận quyền tác giả hay quyền đồng tác giả của tác phẩm do nó tạo ra không?

1.2.3. Trí tuệ nhân tạo - Một tác nhân độc lập trong quá trình sáng tạo

Loại AI thứ hai mà bài nghiên cứu này tập trung vào là AI - tác nhân độc lập trong quá trình sáng tạo. Những AI này tạo ra tác phẩm với gần như không có sự can thiệp của con người và tạo ra kết quả không thể dự đoán trước. Những AI này hiển thị phần lớn những gì Alan Turing - cha đẻ của trí tuệ nhân tạo mô tả: Chúng ta sẽ có một chiếc máy tính có thể học vượt ra ngoài những hướng dẫn ban đầu của nó. Một ví dụ cho loại AI này là robot nói tiếng Anh của nhóm Nghiên cứu Trí tuệ nhân tạo Facebook (FAIR). Cổ máy AI này sau một thời gian được luyện tập bằng tiếng Anh thì đã bắt đầu giao tiếp bằng ngôn ngữ mà chúng cho là hiệu quả hơn - kết quả hoàn toàn nằm ngoài dự đoán của các nhà khoa học. Bên cạnh đó, chúng ta cũng được chứng kiến các dự án như dự án Magenta (Google, 2016) sử dụng mạng thần kinh nhân tạo mô phỏng của mạng thần kinh để soạn nhạc để tìm hiểu các đặc tính của âm thanh và tạo ra các âm thanh hoàn toàn mới dựa trên đặc tính này mà không cần đến sự hỗ trợ của các thuật toán cụ thể hoặc đầu vào của con người³. Hay Watson của IBM sử dụng suy luận kết hợp với quyền truy cập vào lượng thông tin khổng lồ liên quan đến hợp chất hương vị, dinh dưỡng, cấu trúc phân tử của thực phẩm cùng hàng chục nghìn công thức nấu ăn khác nhau, Watson đã đánh giá và kết hợp một số lượng lớn đáng kinh ngạc các thực phẩm tiềm năng và tạo ra nhiều công thức nấu ăn khác nhau bằng cách sử dụng các thành phần thực phẩm khác nhau, rất nhiều trong số công thức đó đã gây ngạc nhiên cho các đầu bếp con người (IBM and Institute of Culinary Education, 2015;

² Vụ án *Burrow-Giles Lithographic Co. v. Sarony*, 111 US 53 (1884).

³ Dự án nghiên cứu khả năng nghệ thuật của trí tuệ nhân tạo Google Magenta (2016), xem tại: <https://magenta.tensorflow.org/>.

Magistretti, Dell’Era & Petruzzelli, 2019). Một minh chứng cụ thể khác là bức tranh chân dung Edmond Belamy do AI vẽ không những nhận được sự ngợi khen của giới họa mà còn được đấu giá thành công với giá 432000 USD. Điều này chứng tỏ khả năng độc lập lựa chọn, sáng tạo của AI cùng tiềm năng vô hạn của chúng trong tương lai, đồng thời cũng mở ra vấn đề về quyền tác giả của chúng.

Sản phẩm của AI là một tài sản trí tuệ, dù không phải do trí tuệ của con người tạo ra, nhưng chính nó lại có giá trị lớn và có khả năng mang lại lợi nhuận. Vì thế, việc bảo hộ quyền lợi của chúng cũng sẽ trở thành một điều cần thiết trong tương lai.

3. Sự cần thiết của việc xác lập quyền tác giả cho trí tuệ nhân tạo

3.1 Những thách thức pháp lý đặt ra

3.1.1 Tư cách pháp lý của AI

Khi người ta lần đầu tiên nghĩ về một con robot, nó có thể là một thiết bị có gắn bánh xe nhỏ và có khả năng ghi nhớ (Bekey, 2005). Dù hình dáng bên ngoài ra sao, chúng ta có xu hướng cho rằng robot là một cỗ máy, có thể được vận hành từ xa bởi con người, hoặc một chương trình máy tính đơn giản (Warkick, 2013)

Trong tương lai, việc AI có thể tham gia vào các quan hệ xã hội với các chủ thể khác là điều hoàn toàn có thể xảy ra. Điều này sẽ làm phát sinh một số quan hệ pháp luật mới cần điều chỉnh. Khi AI ngày càng tân tiến, chúng sẽ ngày càng có những suy nghĩ và hành động giống như con người. Cũng hoàn toàn dễ hiểu nếu trong tương lai, AI trở thành “người lao động” thực thụ. Cho nên, cần phải có một cơ chế để bảo vệ AI, cũng như xử lý việc AI gây hại cho con người. Vì thế, cần xác định tư cách pháp lý cho AI để quản lý, giám sát, cũng như trao cho AI một số quyền trong xã hội. Tuy nhiên, AI cần được xem như một chủ thể mới trong quan hệ pháp luật bởi lẽ chúng không mang đặc điểm của các chủ thể hiện có: AI không có đặc điểm của một tổ chức, cũng không phải là thực thể tự nhiên như là con người. Nhưng nếu robot có bộ não được tạo thành từ các tế bào não, thậm chí có thể là tế bào thần kinh của con người thì điều gì sẽ xảy ra? Tế bào thần kinh được phát triển trong điều kiện phòng thí nghiệm trên một loạt các điện cực sẽ cung cấp một giải pháp thay thế hấp dẫn để tạo ra một dạng bộ điều khiển robot mới. Trong tương lai gần, chúng ta sẽ thấy những robot tư duy có bộ “não” tương tự con người.

Sự phát triển đó sẽ đặt ra nhiều câu hỏi xã hội và đạo đức. Ví dụ, nếu bộ não robot có số lượng tế bào thần kinh gần giống như bộ não người thông thường, thì liệu nó có thể, hay phải có các quyền tương tự như của một người? Ngoài ra, nếu những robot như vậy có nhiều tế bào thần kinh của con người hơn nhiều so với trong bộ não người thông thường, liệu chúng có thể đưa ra tất cả các quyết định trong tương lai không? (Warwick, 2013)

Hiện nay, việc xem xét thừa nhận năng lực pháp lý của trí tuệ nhân tạo đang được thảo luận rộng rãi (Čerka, Grigienė & Sirbikytė, 2017; Kamyshansky, Rudenko, Kolominetz & Osadchenko, 2019). Ở một số các quốc gia trên thế giới⁴, các nhà lập pháp đã có động thái nghiên cứu, thiết lập khung pháp lý điều chỉnh các thách thức mà AI mang lại trong hiện tại và tương lai.

Nhìn chung, có hai hướng tiếp cận tư cách pháp lý của AI:

Thứ nhất, xét AI có quyền và nghĩa vụ như con người, nhưng phần lớn pháp luật quốc tế đều không đi theo cách tiếp cận này.

Thứ hai, xét AI là một đối tượng đặc biệt trong hệ thống pháp luật với bản chất là một công cụ, hoàn toàn không được trao các quyền như con người.

Ở Việt Nam, chưa có cách tiếp cận nào cho AI. Theo quy định, chủ thể của quan hệ pháp luật là cá nhân, pháp nhân (Điều 1 Bộ luật Dân sự năm 2015). AI là thực thể nhân tạo, không phải thực thể tự nhiên như con người, do đó, không thể gộp AI vào nhóm chủ thể là cá nhân, hiển nhiên AI cũng không phải là tổ chức, không mang các đặc điểm để được công nhận là pháp nhân. Nhìn chung, không gian pháp lý điều chỉnh các quan hệ pháp luật của công nghệ ở nước ta hiện nay còn hạn hẹp, không thể xử lý được các vấn đề phát sinh đến AI. Vì thế, việc nghiên cứu và chuẩn bị hoàn thiện khung pháp lý cho viễn cảnh AI phát triển mạnh ở Việt Nam là vô cùng cần thiết.

Ở Việt Nam hiện nay, AI là một lĩnh vực của khoa học công nghệ nhằm làm cho máy móc có hành vi tự động hóa như con người, ví dụ như là một con robot. Chúng chỉ được coi là một loại tài sản như là chương trình máy tính, hay là một sáng chế của con người.

2.1.2. Quyền tác giả của AI

Theo Khoản 1 Điều 22 của Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), “*chương trình máy tính được quy định bảo hộ như tác phẩm văn học, dù được thể hiện dưới dạng mã nguồn hay mã máy*”, điều này cũng áp dụng cho cả mã nguồn của các chương trình AI. Tuy nhiên, các tác phẩm nghệ thuật được tạo bởi các chương trình như vậy sẽ không có bản quyền nếu không chịu ảnh hưởng trực tiếp của các tác giả con người. Với cách tiếp cận của bài viết này, những tác phẩm được tạo nên bởi AI thế hệ mới không được lập trình bởi con người, tùy thuộc vào sức sáng tạo của AI nên con người không hề biết trước kết quả sẽ ra như thế nào. Chỉ có AI mới quyết định nội dung tác phẩm, nhưng AI lại không phải con người. Như vậy, AI vẫn không đủ điều kiện để được cấp quyền tác giả và những tác phẩm do AI này tạo ra sẽ thuộc phạm vi công cộng dù chúng được sáng tạo một cách độc lập.

⁴ Năm 2017, Ả Rập Xê Út đã trao quyền công dân cho robot xã hội Sophia; Ngày 16/02/2017, Nghị viện châu Âu đã thông qua Nghị quyết với các khuyến nghị đối với Ủy ban về Quy tắc Luật Dân sự về robot; Ở Nga, trong quá trình sửa đổi Bộ luật Dân sự (BLDS) Liên bang Nga, một dự thảo luật về lĩnh vực robot có tên là “Robot-Agent” đã được như là một chủ thể của quan hệ dân sự.

Trong một cuộc khảo sát về cách cung cấp môi trường tốt nhất để phát triển và sử dụng AI tại Vương quốc Anh kéo dài từ 7/9/2020 – 30/11/2020, hầu hết những người sáng tạo và các bên liên quan trong ngành công nghiệp sáng tạo đều cho rằng các tác phẩm do con người tạo ra bằng cách sử dụng AI như một công cụ được bảo vệ theo luật bản quyền thông thường. Nhưng hầu hết đều cho rằng nội dung được tạo riêng bởi AI (không có biểu hiện sáng tạo của con người) sẽ không đủ điều kiện để được bảo vệ bản quyền và cũng không nên xem xét lập quyền tác giả cho AI hay người sở hữu AI trong trường hợp này bởi họ lo ngại rằng nỗi sợ vi phạm quyền đối với nội dung do AI tạo ra có thể là yếu tố cản trở sự sáng tạo của con người và các tác phẩm sản xuất hàng loạt do AI tạo ra có thể làm mất giá trị của người sáng tạo (GOV. UK, 2021). Từ đó, tác phẩm được tạo ra mà không có sự can thiệp trực tiếp từ con người sẽ thuộc về công chúng.

Cách tiếp cận này một mặt không làm xáo trộn hệ thống pháp luật sẵn có, mặt khác làm phong phú kho tư liệu tri thức của công chúng. Tuy nhiên, việc này đồng thời không đảm bảo được mục tiêu khuyến khích sự sáng tạo của con người. Các tác phẩm do AI sinh ra hiện nay không được xác định là của ai và các nhà nghiên cứu có thể mất đi động lực khi sản phẩm do họ gián tiếp tạo ra thông qua AI lại được người khác tự do tiếp cận, sử dụng và hưởng lợi.

Với mục tiêu hướng tới của bài viết này, việc xác định chủ sở hữu quyền tác giả của những tác phẩm do AI tạo ra là để bảo vệ các quyền lợi về mặt vật chất và tinh thần cho những người sở hữu AI.

3.2 Lợi ích của việc xác lập quyền tác giả cho trí tuệ nhân tạo

3.2.1 Lợi ích trực tiếp về quyền tác giả của chủ sở hữu AI

Khi quyền tác giả của các tác phẩm do AI được xác lập, quyền lợi trực tiếp mà chủ sở hữu AI có thể nhận được là quyền nhân thân và quyền tài sản. Cũng giống như các tác phẩm do con người tạo ra, chủ sở hữu cũng sẽ nhận được những quyền lợi được quy định cụ thể ở Điều 18, 19, 20 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Đây là điều kiện cần để chủ sở hữu AI nhận được các lợi ích vật chất và tinh thần từ các tác phẩm. AI sẽ làm những việc mà chủ sở hữu không làm được để đem về lợi nhuận cho chủ sở hữu của chúng.

3.2.2. Lợi ích gián tiếp: Khuyến khích con người đầu tư và phát triển vào AI

Trong công cuộc chuyển đổi số trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng, AI được coi là một công nghệ đột phá chiến lược, giúp doanh nghiệp đi trước, đón đầu xu thế, chiếm lĩnh thị trường nhanh nhất và hiệu quả nhất. Trên thế giới, không chỉ những ông lớn trong lĩnh vực công nghệ trên thế giới như Google, Apple, Microsoft,... ứng dụng AI vào quy trình sản xuất của mình mà còn cả những gã khổng lồ trong lĩnh vực thương mại như nền tảng Alibaba, Amazon, Tencent,... cũng nhờ việc thu thập số liệu về hành vi của khách hàng và dùng AI phân tích chúng, các ông trùm thương mại điện tử này đã tiếp cận sâu tới nhu cầu của từng khách hàng, cũng như

chăm sóc khách hàng một cách tốt nhất. Có thể nói, sự phát triển của thế giới không thể vắng bóng sự phát triển của AI. Đầu tư vào AI vào thời điểm này chính là sự lựa chọn vô cùng đúng đắn của các doanh nghiệp hiện nay.

Nhưng đối mặt với hệ thống pháp lý cứng nhắc, những tác phẩm đủ sáng tạo do AI tạo ra không được công nhận bản quyền, minh chứng cho điều này là một số công thức nấu ăn do AI Watson của IBM khám phá ra không được cấp bằng sáng chế, dù sự kết hợp của các thành phần có thể tạo ra một thành phần vật chất mới hoặc các bước liên quan đến việc tạo ra thực phẩm có thể được coi là một quá trình đủ sáng tạo. Nếu trong tương lai, tác phẩm hay phát minh do AI tạo ra tiếp tục không được bảo hộ bản quyền và AI hay người tạo ra AI không được lập quyền tác giả, chúng tôi lo ngại rằng những tác phẩm hay phát minh như vậy có thể không được công bố, điều này dẫn đến sự tự tin để đầu tư giảm. Việc cung cấp bản quyền cho tác phẩm do AI tạo ra hay lập quyền tác giả cho AI sẽ khuyến khích sự đổi mới, vì những người xây dựng, sở hữu và sử dụng AI sẽ có thể bảo vệ các khoản đầu tư của họ vào nghiên cứu và phát triển.

2.2.3. Lợi ích trong viễn cảnh tương lai xa

Năm 2008, các nhà khoa học thuộc ĐH Reading (Anh) đã phát triển một robot được điều khiển bằng một “bộ não” sinh học làm từ các tế bào thần kinh chuột. Các nhà nghiên cứu tại Viện ĐH. Virginia Tech (Mỹ) có thể sớm chuyển đổi các mô phỏng ảo của một loại robot sử dụng vi khuẩn để điều khiển vào thế giới thực, chúng ta có thể sẽ sớm thấy được những loại robot trong tương lai sẽ có một bộ não như con người. Nếu như một ngày nào đó AI phát triển ở cấp độ Super AI, chúng không còn là những vật vô tri vô giác mà có được những cảm xúc như con người, việc xác lập quyền tác giả cho chúng sẽ là một động lực để AI ngày càng phát triển sức sáng tạo hơn nữa, và nó cũng là minh chứng công nhận khả năng làm việc của AI trong tương lai.

4. Kiến nghị về việc xác lập quyền tác giả cho AI

4.1 Xác định tư cách pháp lý cho AI

Cần nghiên cứu và xác định rõ tư cách, bản chất pháp lý của AI, hướng đến việc xây dựng khung pháp lý hoàn chỉnh, điều chỉnh các mối quan hệ pháp luật liên quan đến AI. Không phải AI nào cũng được trao tư cách pháp lý, AI phải đạt được đến ngưỡng có thể hoạt động độc lập và không phụ thuộc vào con người, cùng với việc được đưa vào một thực thể mang hình dáng như một robot, có thể hoạt động và tham gia vào các quan hệ xã hội mới được trao quyền như một chủ thể được pháp luật điều chỉnh.

4.2 Xác định năng lực tác giả của AI và tính sáng tạo của tác phẩm

Giống như tư cách pháp lý, không phải bất cứ AI nào cũng được xác lập quyền tác giả, AI cần có sự sáng tạo đạt ngưỡng nhất định, không phụ thuộc quá nhiều vào thông tin đầu vào. Tác phẩm

được tạo ra không được sao chép hay lệ thuộc vào một tác phẩm gốc nào cả. Như vậy, tác phẩm mới được công nhận bản quyền.

Đầu tiên, để xác định năng lực tác giả của AI, luật pháp cần đưa ra thử nghiệm để xác định xem liệu AI có đủ sáng tạo trong việc tạo ra tác phẩm như một tác giả hay không. Nói cách khác, một AI chạy qua một tập hợp các chức năng từng bước hoặc một thuật toán sẽ thất bại trong bài kiểm tra này trong khi một AI phát triển khả năng của mình thông qua học tập hoặc đào tạo thì không. Ví dụ: Dự án Magenta (Google, 2016): chủ đề sẽ đủ điều kiện vì AI của Google dựa vào mạng thần kinh để phân tích tạo ra các bản nhạc gốc. Mục tiêu thứ hai của thử nghiệm là AI phải là nguyên nhân của sự sáng tạo chứ không phải chỉ là một thiết bị máy móc dưới quyền của tác giả hoặc nhà phát minh.

Bên cạnh đó, pháp luật chỉ bảo hộ quyền tác giả đối với những tác phẩm mang tính nguyên gốc. Cụ thể, pháp luật nước ta công nhận tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào. Mặt khác, theo pháp luật về quyền tác giả, tính nguyên gốc của tác phẩm liên quan đến hình thức thể hiện ý tưởng chứ không liên quan đến bản thân ý tưởng hay ý nghĩa của ý tưởng đó, tác phẩm được sáng tạo ra một cách độc lập và không sao chép từ những tác phẩm khác. Vậy nên tác phẩm do AI tạo ra sẽ không được bảo vệ quyền tác giả nếu chỉ dựa vào việc chọn lọc và kết hợp các tác phẩm cũ.

4.3 Xác định giới hạn quyền tác giả của AI

AI dù rất thông minh nhưng cũng thể nào có đủ các quan hệ xã hội như con người. Dựa theo Điều 13, Điều 19, Điều 20, Điều 39 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) tại Việt Nam, chúng tôi đề xuất công nhận AI và chủ sở hữu AI là đồng tác giả của tác phẩm hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ của AI cho thể nhân hoặc pháp nhân (tức là người lập trình hoặc doanh nghiệp, chính phủ). Lý giải cho điều này là vì AI cần có sự giúp đỡ của con người để bảo vệ cho tác phẩm do chúng tạo ra, ví dụ AI có thể đứng tên tác phẩm còn việc công bố hoặc cho phép người khác công bố vẫn cần sự giúp đỡ của con người, cũng là để phù hợp với mong muốn của những người tạo ra chúng. Trong trường hợp chuyển giao quyền sở hữu của AI cho thể nhân hoặc pháp nhân, pháp luật phải đặt ra một chế độ chuyển nhượng thừa nhận quyền sở hữu của bên thích hợp, bao gồm các quy tắc và điều kiện chuyển nhượng xác định.

4.4 Xác định chủ thể chịu trách nhiệm pháp lý

Như đã nói ở trên, AI không thể có đủ các quan hệ pháp luật và cũng không thể tự chịu mọi trách nhiệm pháp lý cho những hành động của chúng mà chỉ chịu được trách nhiệm trong khả năng cho phép. Hơn nữa, AI ở trong mối quan hệ đồng tác giả với con người nên con người cũng nên chịu trách nhiệm pháp lý phát sinh từ AI. Bởi vì, chủ sở hữu AI được hưởng lợi nhuận từ những tác phẩm do AI tạo ra nên cũng cần phải đại diện và có trách nhiệm trong các vấn đề phát sinh

khác của AI. Bên cạnh đó, trách nhiệm bồi thường của nhà sản xuất, chủ sở hữu AI, người chiếm hữu hợp pháp hoặc trái phép hệ thống AI cũng cần được quy định cụ thể.

5. Kết luận

Mặc dù trí tuệ nhân tạo (AI) được quan tâm tại Việt Nam chưa lâu nhưng với những tiềm lực sẵn có, chúng tôi tin rằng AI sẽ phát triển rất nhanh tại Việt Nam trong tương lai, tạo ra những tác phẩm sáng tạo làm lu mờ sự phân biệt giữa tác phẩm của con người và tác phẩm của máy tính. Do đó, khung pháp lý của chúng ta cần sớm được nghiên cứu để đối mặt với các thách thức về quyền tác giả và bản quyền trong các tác phẩm mà AI tạo ra. Khi những tác phẩm này không được xác định tác giả, không được bảo vệ bản quyền, chúng có thể được sử dụng miễn phí và tái sử dụng bởi bất kỳ ai, điều này tác động tiêu cực đến việc đầu tư vào phát triển AI, cản trở sự tiến bộ trong lĩnh vực máy tính. Để bảo vệ quyền lợi về mặt vật chất và tinh thần cho những người sở hữu AI, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, hệ thống pháp luật của Việt Nam phải nhìn nhận rõ tiềm lực của chúng trong tương lai và nghiên cứu, xem xét, đề ra các dự thảo luật điều chỉnh các vấn đề có thể phát sinh trong Luật Sở hữu trí tuệ.

Tài liệu tham khảo

- A.I. Portrait at Christie's Hits 40 Times Estimate* (2018), The New York edition, Section C, p. 3.
- Hintze, A. (2016), "Understanding the Four Types of Artificial Intelligence", *Government Technology*.
- Bekey, G. (2005), *Autonomous Robots: from Biological Inspiration to Implementation and Control*, Cambridge, MA: MIT Press.
- Čerka, P., Grigienė, J. & Sirbikytė G. (2017), "Is it possible to grant legal personality to artificial intelligence software systems?", *Computer Law & Security Review*, pp. 685 - 699.
- GOV. UK (2021), "Government response to call for views on artificial intelligence and intellectual property", <https://www.gov.uk/government/consultations/artificial-intelligence-and-intellectual-property-call-for-views/government-response-to-call-for-views-on-artificial-intelligence-and-intellectual-property#the-use-of-copyright-works-and-data-by-ai-systems> (Accessed 7 October, 2021).
- IBM and Institute of Culinary Education. (2015), *Cognitive Cooking with Chef Watson*. Naperville, IL, USA: Sourcebooks.
- Kamyshansky, V., Rudenko, E., Kolominetz, E. & Osadchenko, E. (2019), "Regarding the issue of the essence of legal treatment and the possibility of granting legal status to a robot in Civil Law", *Ubiquitous Computing and the Internet of Things. Studies in Computational Intelligence*, pp. 299-306.

- Nekit, K., Tokareva, V. & Zubar, V. (2020), “Artificial intelligence as a potential subject of property and intellectual property relations”, *Ius Humani Law Journal*, Vol. 9 No. 1, pp. 237-238.
- Warkick, K. (2013), “The Future of Artificial Intelligence and Cybernetics”, *There is a Future: Vision for a better world*, p.131.
- Pearlman, R. (2018), “Recognizing artificial intelligence (AI) as authors and inventors under U.S. Intellectual Property Law”, *Richmond Journal of Law & Technology*, Vol. 24 No. 2.
- Magistretti, S., Dell’Era, C. & Petruzzelli, A.P. (2019), “How intelligent is Watson? Enabling digital transformation through artificial intelligence”, *Business Horizon*, Vol. 62 Iss. 6, pp. 819 - 829.
- Russell, S. & Norvig, P. (1994), *Artificial Intelligence: A Modern Approach*, Prentice-Hall.